

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại

Ông Trần Đình Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc in ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; số căn cước công dân 024083005724, ngày cấp 18/11/2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội; nơi cư trú: Số C, ngõ D, đường P, khối T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ cũ: Thôn P - P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1991; số căn cước công dân 020191006744, ngày cấp 18/11/2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội; nơi cư trú: Số C, ngõ D, đường P, khối T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ cũ: Thôn P - P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị D có được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã M, thành phố L (nay là phường Đ), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/3/2021. Vợ chồng được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sau đó chung sống tại nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn P - P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Trong thời gian tìm hiểu bà Hoàng Thị D, ông đã phát hiện bà Hoàng Thị D có tính nết nhút nhát với bạn khác giới vượt quá tình cảm bạn bè; ông đã nhắc nhở bà Hoàng Thị D nếu trường hợp lấy nhau phải sửa đổi và ông hy vọng cả hai đã 01 lần lỡ dở nên bà Hoàng Thị D sẽ thay đổi nên ông vẫn tự nguyện kết hôn với bà Hoàng Thị D. Tuy nhiên, qua chung sống, bà Hoàng Thị D không thay đổi tính nết, vẫn liên hệ cùng với người yêu cũ tên T1 và còn đưa bạn này về tận nhà nghỉ do gia đình ông mở để ngủ. Từ khi phát hiện bà Hoàng Thị D lừa dối tình cảm của ông, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, thường xuyên nhút nhát tán tỉnh người đàn ông này vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 6/2025 đến nay, tính từ thời điểm ông bắt gặp tin nhắn của bà Hoàng Thị D với người tên T1, ông và bà Hoàng Thị D đã sống ly thân, không quan hệ vợ chồng; bản thân ông cũng xác định không còn xem bà Hoàng Thị D là vợ của ông. Gia đình ông kinh doanh nhà nghỉ có nhiều phòng, ông có bảo bà Hoàng Thị D sang phòng khác ngủ nhưng bà D không chịu; trong phòng ngủ vợ chồng, ông có lắp camera để theo dõi việc kinh doanh nhà nghỉ, nên ông và bà Hoàng Thị D vẫn ngủ trong một phòng, vẫn sống chung nhà nhưng không sinh hoạt vợ chồng. Ông xác định đến nay không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị cho ly hôn với bà Hoàng Thị D, ông đề nghị ghi nhận cho bà Hoàng Thị D lưu trú 01 tuần tại nhà ông, sau đó bà Hoàng Thị D có trách nhiệm chuyển ra khỏi nhà của ông.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về việc kết hôn với ông Nguyễn Văn T, bà nhất trí lời trình bày của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn T nộp tài liệu chứng cứ là tin nhắn, bà khẳng định là nội dung trích xuất từ điện thoại của bà. Trước khi lấy ông Nguyễn Văn T, bà đã có quan hệ tình cảm với người tên T1 sống và làm việc ở Hà Nội. Nhưng sau khi lấy ông Nguyễn Văn T bà không còn quan hệ tình cảm với người này. Do trong việc làm ăn mua bán xăng dầu của công ty, ông T1 có nợ bà tiền hàng hóa số tiền 146.000.000 đồng nhưng bà lại không biết địa chỉ cụ thể của ông T1 để đòi tiền. Nên từ khoảng tháng 02/2025 bà có nhắn với ông T1 mục đích để rủ ông T1 lên Lạng Sơn hoặc gặp mặt trực tiếp để đòi tiền. Tin nhắn giữa bà và ông T1 thể hiện tình cảm nhưng bà nhắn để dụ ông T1, nhưng thực tế bản thân bà không có quan hệ ngoại tình như ông Nguyễn Văn T đã đưa ra. Nhưng bà thấy phương pháp của bà không đúng nên đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Trong cuộc sống vợ chồng 4 năm qua, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ 01 lần vào khoảng năm 2021 ông T có tát bà 01 cái do bà xưng "mày, tao" với ông T. Vào khoảng năm 2022, bà cũng bắt gặp tin nhắn của ông Nguyễn Văn T với người phụ nữ khác, nhưng bà không thể đọc được tin nhắn

do ông Nguyễn Văn T sử dụng mặt khẩu máy và mã hóa tin nhắn; bà cũng có nghi ngờ việc ông Nguyễn Văn T có quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Hiện tại bà với ông Nguyễn Văn T vẫn sống cùng nhà của ông Nguyễn Văn T, nhưng do ông Nguyễn Văn T giận bà, đồng thời bà vừa mở ngày 24/6/2025 nên từ đầu tháng 6/2025 đến nay bà và ông Nguyễn Văn T không có quan hệ vợ chồng mặc dù vẫn ngủ chung phòng. Việc bà nhắn tin với bạn khác giới, bà chỉ nhắn tin với bạn mục đích để đòi tiền bạn nợ, bà không có quan hệ ngoại tình với bạn khác giới ngoài chồng. Tuy nhiên đến thời điểm này ông Nguyễn Văn T chưa tha thứ cho bà. Bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn được hòa giải quay về đoàn tụ. Trong thời gian chung sống bà đi làm có thu nhập, nhưng đã chi tiêu hết cho gia đình, không tạo lập được tài sản, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị được lưu trú tại nhà ông Nguyễn Văn T 01 đến 02 tháng để bà thu xếp tìm chỗ ở mới.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và chấp hành đúng nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Đề xuất giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T sinh sống tại phường Đ, tỉnh Lạng Sơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giải quyết ly hôn với Hoàng Thị D cư trú tại phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị D kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là phường Đ), tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày ngày 02/3/2021, do đó hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Qua lời khai của ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị D, tài liệu chứng cứ do ông Nguyễn Văn T cung cấp là những tin nhắn được in trên ứng dụng zalo trên điện thoại của bà Hoàng Thị D cho thấy các tin nhắn giữa bà Hoàng Thị D và người đàn ông tên T1 có nội dung trên mức bạn bè bình thường; không có nội dung bà Hoàng Thị D đòi tiền ông T1 nợ bà như trình bày. Như vậy, việc bà Hoàng Thị D nhắn tin tình cảm với người khác giới trong thời kỳ hôn nhân là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, gây mất niềm tin trong hôn nhân. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn T xác định không còn tình cảm với bà Hoàng Thị D, không muốn hàn gắn tình cảm; các đương sự đều xác định đã ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị D ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với ông bà Hoàng Thị D.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L (nay là phường Đ), tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/3/2021.

Bà Hoàng Thị D được quyền lưu trú tại nhà ông Nguyễn Văn T địa chỉ số C, ngõ D, đường P, khối T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2025. Hết thời hạn lưu trú, bà Hoàng Thị D có nghĩa vụ chuyển ra khỏi nhà ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đang sự trình bày không có.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000018 ký hiệu BLTU/25E ngày 15/7/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Anh Đại

Trần Đình Đông

Nguyễn Hải Ninh

